

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC-TRÀ VINH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
CỬA HÀNG XĂNG DẦU NAM PHÚC –
CHÂU THÀNH

Châu Thành, tháng 7 năm 2023

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC-TRÀ VINH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
CỬA HÀNG XĂNG DẦU NAM PHÚC –
CHÂU THÀNH



CHỦ CƠ SỞ

GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Anh

Châu Thành, tháng 7 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC HÌNH.....	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên cơ sở.....	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	7
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	8
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước tại cơ sở	9
1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư tại cơ sở	9
1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng	9
1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	9
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở	9
1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, số lượng lao động và thời gian hoạt động tại cơ sở.....	10
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	11
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	13
3.1.3. Xử lý nước thải	14
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	17
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	18

3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt.....	18
3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.....	18
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	18
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	19
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	19
3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn dầu.....	19
3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.....	20
3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	20
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	22
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	22
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....	22
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	23
5.1. Thành phần môi trường quan trắc trong quá trình lập báo cáo.....	23
5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở.....	23
5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn.....	24
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	25
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	25
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải.....	25
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	26
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, tự động, liên tục.....	26
6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở... ..	26
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	27
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	28
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	29
PHỤ LỤC KÈM THEO.....	30

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
NĐ	Nghị định
NM	Nước mặt
MTV	Một thành viên
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	Quyết định
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

	Trang
Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại dự án	9
Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	9
Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh	18
Bảng 3.2. Danh mục trang thiết bị, phương tiện chữa cháy tại cơ sở.....	21
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép.....	22
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép	22
Bảng 5.1. Khối lượng mẫu quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo tại cơ sở	23
Bảng 5.2. Chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở	23
Bảng 5.3. Chất lượng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn.....	24

DANH MỤC HÌNH

	Trang
Hình 1.1. Vị trí của cơ sở trên ảnh vệ tinh.....	6
Hình 1.2. Quy trình kinh doanh xăng, dầu tại cơ sở.....	8
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở.....	13
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát và xử lý nước thải tại cơ sở.....	14
Hình 3.3. Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt.....	15
Hình 3.4. Sơ đồ xử lý nước thải nhiễm dầu tại cơ sở.....	16
Hình 3.5. Cấu tạo bể gạn dầu xử lý nước thải nhiễm dầu tại cơ sở.....	16

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Phúc – Trà Vinh.
- Địa chỉ văn phòng: Ấp Lò Ô, xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Bùi Tuấn Anh, chức danh: Giám đốc.
- Điện thoại: 0778 886 886;
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh: mã số chi nhánh 0303678436-011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 14/11/2019; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh có mã số 00001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 19/11/2019.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **CỬA HÀNG KINH DOANH XĂNG DẦU NAM PHÚC – CHÂU THÀNH**
- Địa điểm cơ sở: Ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 23). Tờ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:
 - + Phía Bắc: giáp nhà dân;
 - + Phía Nam: giáp nhà dân;
 - + Phía Đông: giáp Quốc lộ 53 (cũ);
 - + Phía Tây: kênh thùy lợi;

Vị trí của cơ sở trên ảnh vệ tinh được thể hiện qua hình sau:



Hình 1.1. Vị trí của cơ sở trên ảnh vệ tinh

- Quy mô của cơ sở:
 - + Theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14¹: căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 5 Mục V của Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP², cơ sở có tổng vốn đầu tư là 1,0 tỷ đồng (*Bằng chữ: Một tỷ đồng*). Theo Luật Đầu tư công, cơ sở thuộc điểm đ khoản 5 Điều 8 và khoản 4 Điều 10: thuộc **NHÓM C**.
 - + Theo Luật Bảo vệ môi trường³:
 - ✓ Căn cứ theo quy định tại số thứ tự thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP⁴, cơ sở được xác định thuộc **NHÓM III**;
 - ✓ Căn cứ khoản 2 Điều 39 và khoản 4 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành xem xét, thẩm định và cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Tổng dung tích chứa xăng, dầu của cơ sở là 36 m³, trong đó:
 - + Dung tích bồn chứa xăng RON 95 là 16 m³ (bao gồm 02 bồn chứa: 01 bồn có dung tích chứa là 6 m³ và 01 bồn có dung tích chứa là 10 m³).
 - + Dung tích bồn chứa dầu DO 0,05S là 20 m³ (bao gồm 02 bồn chứa: 01 bồn có dung tích chứa là 6 m³ và 01 bồn có dung tích chứa là 14 m³).
- Số trụ bơm: 03 trụ bơm (trụ bơm điện, 02 trụ bơm xăng và 01 trụ bơm dầu).
- Thời gian bán hàng: từ 05 giờ 30 phút - 20 giờ mỗi ngày.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Loại hình hoạt động của cơ sở là cửa hàng xăng, dầu cấp 3 (theo QCVN 01:2020/BCT⁵, cửa hàng xăng dầu trên mặt đất có tổng dung tích chứa nhỏ hơn hoặc bằng 100 m³). Cơ sở cung cấp xăng, dầu phục vụ nhu cầu của người dân tại địa phương, quy trình bán lẻ xăng, dầu tại cơ sở được thể hiện qua sau:

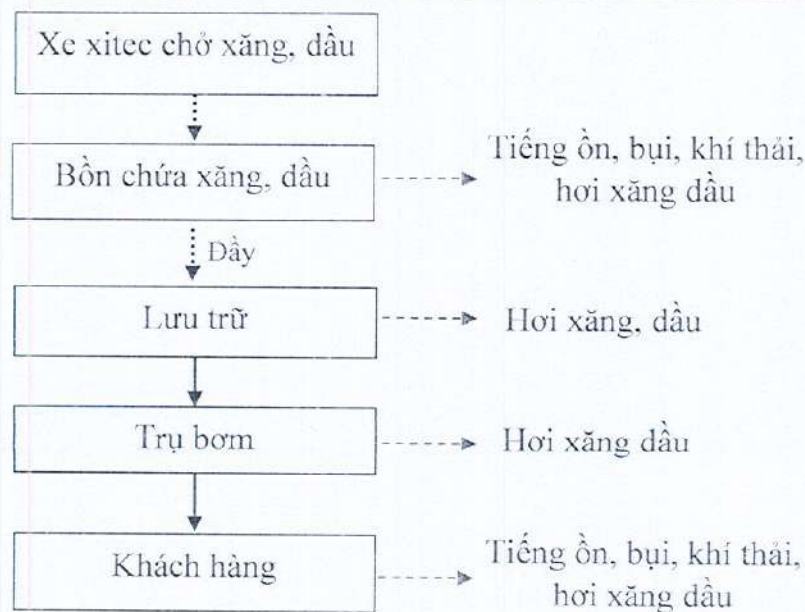
¹ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2019.

² Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

³ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

⁴ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.

⁵ QCVN 01:2020/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.



Hình 1.2. Quy trình kinh doanh xăng, dầu tại cơ sở

Ghi chú:

.....→ Dòng nhập

——→ Dòng xuất

❖ Thuyết minh:

Xăng, dầu được lấy từ Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Phúc tại Thành phố Hồ Chí Minh, được vận chuyển bằng xe bồn chuyên dụng (xitec có dung tích từ 6 – 12 m³) về cửa hàng.

Xăng, dầu được nhập kín bằng đường ống mềm có đường kính Ø89 mm, đường ống được nối trực tiếp từ xe xitec đến các bồn chứa của dự án. Xăng, dầu chảy kín trong đường ống nhờ sự chênh lệch cột áp giữa xe xitec và bồn chứa. Trong quá trình nhập hàng, đóng khóa các van trên đường ống xuất, hơi xăng dầu thoát ra được dẫn vào hệ thống van thở của khu bồn chứa để cân bằng áp suất và đảm bảo an toàn trong lúc nhập.

Xăng, dầu nhập về được lưu trữ tại các bồn chứa của dự án. Từ các bồn chứa, xăng, dầu được dẫn vào các trụ bơm bằng đường ống công nghệ cố định tại dự án có đường kính Ø57 mm. Xăng, dầu được bơm trực tiếp cho các phương tiện giao thông thông qua cần xuất (mỗi trụ bơm có 01 cần xuất). Ngoài ra, dầu DO 0,05S còn được bơm vào các cal nhựa có dung tích chứa 30 lít/cal để cung cấp cho khách hàng phục vụ hoạt động thu hoạch lúa tại địa phương.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là khối lượng xăng, dầu cung cấp cho người dân trong khu vực, cụ thể:

- Xăng RON 95 cung cấp khoảng 550 lít/ngày.
- Dầu DO 0,05S cung cấp khoảng 120 lít/ngày, vào thời điểm thu hoạch lúa khoảng 600 lít/ngày.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước tại cơ sở**1.4.1. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư tại cơ sở**

Nhu cầu về nguyên liệu, vật tư phục vụ cho các hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu tại dự án

Stt	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Xăng RON 95	m ³ /tháng	16	Công ty Cổ phần Dầu tư Nam Phúc
2	Dầu DO 0,05S	m ³ /tháng	10,8	
3	Cal nhựa chứa dầu (30 lít/cal)	Cái/năm	20	Cửa hàng tại địa phương

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu tư Nam Phúc – Trà Vinh, 2023)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng

- Nguồn cung cấp điện năng: được lấy từ mạng lưới điện quốc gia.
- Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở trung bình khoảng 220 kWh/tháng (theo hóa đơn tiền điện trong 03 tháng gần nhất) phục vụ cho hoạt động của trụ bơm điện, hoạt động chiếu sáng và văn phòng. Tại cơ sở không trang bị máy phát điện dự phòng.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

- Nguồn cung cấp nước: được lấy từ Trạm cấp nước sạch tại địa phương.
- + Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở: khoảng 3,0 m³/tháng, tương đương khoảng 0,1 m³/ngày (dựa theo theo hóa đơn tiền nước trong 03 tháng gần nhất). Nước cấp phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của 02 nhân viên tại cửa hàng (không tổ chức nấu ăn tại cơ sở).
- + Nước làm mát sân bãi vào những ngày nắng nóng được lấy từ nguồn nước mặt tại kênh phía sau cơ sở, trung bình khoảng 1,8 m³/ngày (công suất máy bơm là 0,37 kW).

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở**1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở**

Cơ sở hoạt động trên tổng diện tích là 649,4 m² với các hạng mục công trình được bố trí như sau:

Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ sử dụng đất (%)
I	Hạng mục công trình chính	107,08	16,49
1	Khu vực trụ bơm và mái che	38,76	5,97
2	Khu vực bồn chứa xăng, dầu	42,0	6,47

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ sử dụng đất (%)
2.1	Khu vực bồn chứa xăng	24,0	3,70
2.2	Khu vực bồn chứa dầu	18,0	2,77
3	Nhà giao dịch + nhà nghỉ nhân viên	26,32	4,05
II	Hạng mục công trình phụ	533,91	82,22
1	Khu vực sân, đường đi nội bộ, khu vực trồng cây xanh, đất trống	533,91	82,22
2	Hệ thống cấp nước	-	-
3	Hệ thống cấp điện	-	-
III	Hạng mục công trình BVMT	8,41	1,30
1	Khu vực hồ gạn dầu và hồ chứa nước thải sau xử lý	3,21	0,49
2	Nhà vệ sinh + Hàm tự hoại 03 ngăn (01 hầm)	4,4	0,68
3	Khu vực chứa CTNH	0,8	0,12
Tổng cộng (I + II + III)		649,4	100,00

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Phúc – Trà Vinh, 2023)

1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, số lượng lao động và thời gian hoạt động tại cơ sở

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 1,0 tỷ đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng), nguồn vốn từ 100% của chủ cơ sở.
- Số lượng lao động hiện hữu: 02 người (01 quản lý cửa hàng và 01 nhân viên).
- Thời gian hoạt động của cơ sở: 7 ngày/tuần, từ 05 giờ 30 - 20 giờ mỗi ngày.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Cửa hàng xăng dầu Nam Phúc – Châu Thành của Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu Tư Nam Phúc – Trà Vinh đi vào hoạt động góp phần làm đa dạng nguồn cung ứng xăng dầu trong tỉnh, tạo ra thị trường cạnh tranh lành mạnh trong ngành dầu khí, đảm bảo lợi ích cho người tiêu dùng, hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, cụ thể:

+ Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

+ Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;

+ Quyết định số 2743/QĐ-UBND, ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống kho, hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu tỉnh Trà Vinh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

+ Thời gian bán hàng của dự án phù hợp với Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND, ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh về Ban hành Quy định giờ bán hàng tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu, các trường hợp dừng bán hàng, quy trình thông báo trước khi dừng bán hàng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

+ Ngoài ra, cơ sở hoạt động góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực, phù hợp theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh năm 2023 và Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 15/02/2023 của UBND huyện Châu Thành về việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện năm 2023.

- Về quy hoạch sử dụng đất: cơ sở được thực hiện trên tổng diện tích 649,4 m² (thuộc thửa đất số 191, tờ bản đồ số 23), tại ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Đây là đất thương mại dịch vụ, mục đích sử dụng đất hoàn toàn phù hợp với loại hình hoạt động của cơ sở. Vì vậy, vị trí của cơ sở hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dựa theo loại hình hoạt động của cơ sở, các nguồn tác động phát sinh trong quá trình vận hành chủ yếu là tiếng ồn, bụi, nước thải và chất thải rắn. Cụ thể:

- Tiếng ồn, bụi: phát sinh từ hoạt động của các phương tiện ra vào khu vực bơm xăng dầu, nguồn tác động này không lớn và không liên tục nên hầu như không làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh cơ sở.

- Nước thải: bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải nhiễm dầu. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 02 lao động tại cửa hàng, lượng

nước thải phát sinh rất ít, khoảng $0,08 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, nước thải sinh hoạt được lưu chứa tại hầm tự hoại, định kỳ thuê đơn vị đến hút hầm. Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động vệ sinh nền bãi khu vực trụ bơm bị nhiễm dầu, với khối lượng nước thải phát sinh khoảng $0,36 \text{ m}^3/\text{ngày}$, được thu gom và xử lý bằng hố gạn dầu và lưu chứa tại hố chứa của cơ sở.

- Đối với chất thải rắn: toàn bộ khối lượng chất thải rắn phát sinh sẽ được thu gom và xử lý, không để phát tán ra môi trường xung quanh.

Vì vậy, việc triển khai thực hiện dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tại địa phương và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận tại khu vực thực hiện dự án.

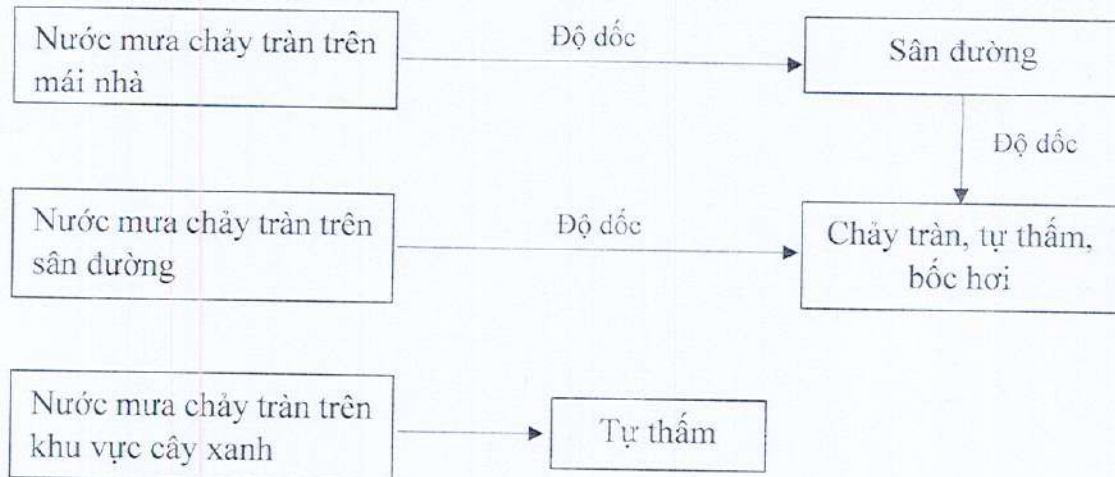
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở được thể hiện qua hình sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở

* **Thuyết minh quy trình:**

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà theo độ dốc mái chảy xuống sân đường, cùng với nước mưa chảy tràn trên sân đường theo độ dốc của sân đường chảy tràn, tự thấm và bốc hơi.
- Nước mưa chảy tràn trên khu vực cây xanh tự thấm và bốc hơi vào môi trường tiếp nhận.

Nước mưa chảy tràn được quy ước là nước “sạch” nếu không chảy qua khu vực ô nhiễm nên lượng nước này không cần xử lý mà được thu gom, sau đó thoát ra môi trường bên ngoài. Tại cơ sở, các khu vực có nguy cơ rơi vãi xăng, dầu trong quá trình nhập – xuất nguyên liệu là khu vực bồn chứa và khu vực trụ bơm. Tuy nhiên, quá trình nhập xăng, dầu tại cơ sở là quá trình khép kín, khu vực bồn chứa xăng và khu vực phía trước trụ bơm đều đã có mái che, khu vực trụ bơm xăng dầu được tôn nền cao hơn các khu vực khác nên không phát sinh nước mưa chảy tràn qua các khu vực này và nước mưa chảy tràn qua khu vực bồn chứa dầu (không có mái che, bồn có nắp đậy kín, quá trình nhập dầu khép kín) nên nước mưa chảy tràn qua khu vực này hầu như không bị nhiễm xăng, dầu và được xem như là nước “sạch”.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Công trình thu gom nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt: hầm tự hoại 03 ngăn, số lượng: 01 hầm, thể tích 5,28 m³, kết cấu bê tông, nắp đậy kiên cố.

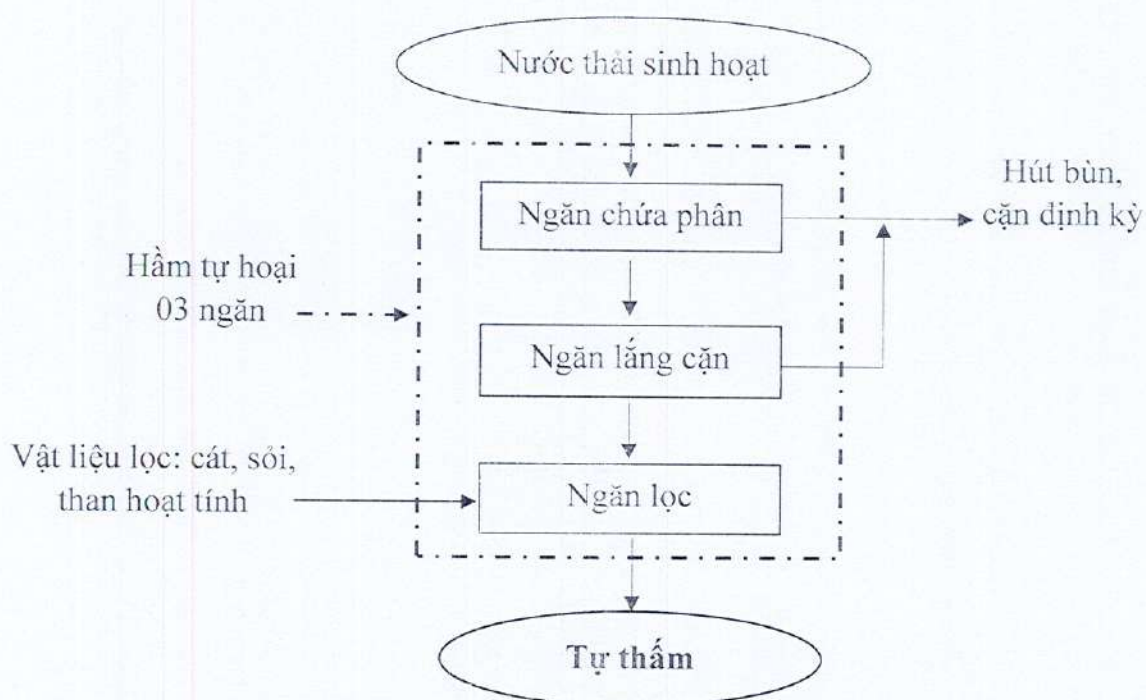
- + Nước thải nhiễm dầu: đường rãnh thu gom, bố trí phía trước trạm bơm, phía trên có thanh thép, quy cách đường rãnh thu gom (dài x rộng x cao) là (2,0x0,4x0,3) m.
- Công trình thoát nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt: được lưu chứa trong hầm tự hoại, tự thấm vào môi trường tiếp nhận, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến hút hầm, tần suất 6 tháng/lần.
 - + Nước thải nhiễm dầu: được lưu chứa tại hố chứa.
- Điểm lưu chứa nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt: hầm tự hoại, tọa độ X(m)=1090950, Y(m)=598881 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰), tại ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
 - + Nước thải nhiễm dầu: hố chứa, tọa độ X(m)=1090948, Y(m)=598877 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰), tại ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 0,08 m³/ngày.đêm (ước tính tỷ lệ thu gom đạt 80 % lượng nước cấp sinh hoạt), tương đương khoảng 2,4 m³/tháng. Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và dẫn về hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý bằng công nghệ xử lý sinh học yếm khí.

- Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở như sau:



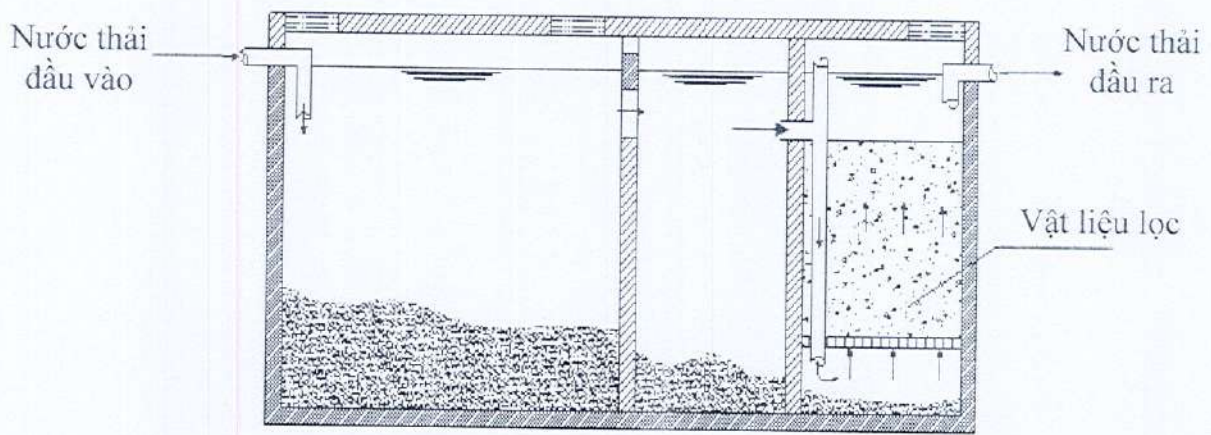
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom, thoát và xử lý nước thải tại cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

Nước thải sinh hoạt được thu gom từ nhà vệ sinh, sau đó dẫn về hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý. Tại đây, nước thải lần lượt đi qua các ngăn trong hầm, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy hầm. Hầm tự hoại được xây dựng bằng bê tông, có 03 ngăn: ngăn chứa phân, ngăn lắng, ngăn lọc (thực hiện 03 chức năng lắng cặn, phân hủy cặn và lọc nước). Quá trình xử lý trong hầm tự hoại chủ yếu là quá trình phân hủy kỵ khí. Trong hầm tự hoại có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình phân hủy kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở tương đối ít, được lưu chứa trong hầm tự hoại và tự thấm vào môi trường tiếp nhận. Để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại, chủ cơ sở định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học và thuê đơn vị chức năng hút bùn, cặn lắng trong hầm với tần suất 06 tháng/lần.

- Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn:



Hình 3.3. Cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

- Tính toán kích thước hầm tự hoại 03 ngăn:

Thể tích phân lắng: $W_a = Q \times T$ (m³)

Trong đó: Q: Lưu lượng nước thải (khoảng 0,08 m³/ngày)

T: Thời gian lưu nước trong bể (02 ngày)

Như vậy thể tích phân lắng là: $W_a = 0,08 \times 2 = 0,16$ m³

Thể tích phân chứa bùn:

$$W_b = \frac{b \times N}{1000}$$

Trong đó: b - Tiêu chuẩn tính ngăn chứa bùn (50 lít/người)

N - Số công nhân viên (tính cho 02 người)

→ Thể tích phân chứa bùn là: $W_b = 0,1$ m³

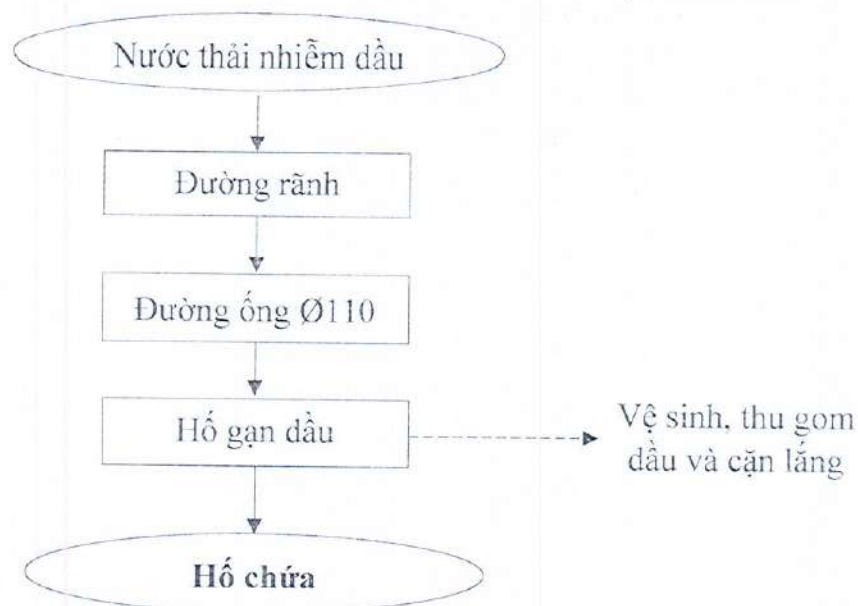
Kết quả thể tích của bể tự hoại là: $W = W_a + W_b = 0,16 + 0,1 = 0,26$ m³.

→ Như vậy, thể tích hầm tự hoại cơ sở đã xây dựng là 5,28 m³ đủ khả năng thu gom, xử lý sơ bộ và lưu chứa toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

b. Nước thải nhiễm dầu:

Nước thải nhiễm dầu tại cơ sở phát sinh từ hoạt động tưới nước làm mát sân nền tại khu vực trụ bơm. Khối lượng nước thải nhiễm dầu phát sinh ước tính khoảng 0,36 m³/ngày (khoảng 20% lượng nước cấp), lượng nước thải này phát sinh không thường xuyên do hoạt động làm mát sân nền tại khu vực trụ bơm chỉ thực hiện trong những ngày nắng nóng. Nước thải nhiễm dầu được thu gom từ đường rãnh, bố trí phía trước trụ bơm dẫn về hố gạn để xử lý.

- Sơ đồ quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu tại cơ sở như sau:

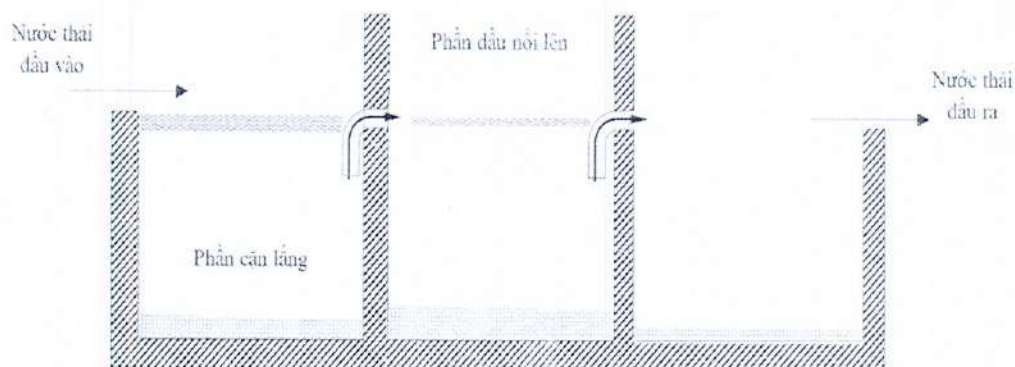


Hình 3.4. Sơ đồ xử lý nước thải nhiễm dầu tại cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

- Nước thải nhiễm dầu được thu gom bằng đường rãnh được bố trí ở phía trước khu vực trụ bơm, nước thải theo đường ống nhựa PVC Ø110 chảy về hố gạn dầu để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt giới hạn cho phép theo QCVN 29:2010/BTNMT, cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe và được lưu chứa tại hố chứa, quy cách hố chứa (dài x rộng x sâu) là (1,5 x 1,5 x 2,0) m.

- Cấu tạo bể gạn dầu được thể hiện qua hình sau:



Hình 3.5. Cấu tạo bể gạn dầu xử lý nước thải nhiễm dầu tại cơ sở

- Thuyết minh quy trình xử lý của bể gạn dầu:

Bể gạn dầu được thiết kế theo dạng 03 ngăn với khả năng loại bỏ cặn bản chủ yếu là loại bỏ lượng dầu hoàn toàn có trong nguồn nước thải, quy cách bể gạn dầu (dài x rộng x sâu) là (1,2 x 0,8 x 1,0) m. Tại đây, nước thải lần lượt đi qua các ngăn như sau:

- + Ngăn thứ nhất: được thiết kế nhằm mục đích tiếp nhận nước thải. Loại bỏ một phần dầu và phần cặn lắng có trong nguồn thải. Lượng dầu nổi trên mặt sẽ được nhân viên định kỳ thu gom và xử lý theo quy định. Nước thải từ ngăn thứ nhất sẽ theo đường ống Ø110 tự chảy vào ngăn thứ hai.
- + Ngăn thứ hai: đây là ngăn xử lý chính của hồ tách dầu. Nước và lượng dầu có trong nguồn nước thải sẽ tách nhau hoàn toàn dựa trên khối lượng riêng khác biệt, từ đó tạo thành 2 dòng chính là nước sạch sẽ đi chuyển xuống phía dưới và phía trên là phần dầu liên kết lại với nhau, lượng dầu này được chủ cơ sở cho nhân viên thu gom định kỳ và xử lý theo quy định. Nước thải từ ngăn thứ 02 sẽ theo đường ống Ø110 tự chảy vào ngăn thứ ba.
- + Ngăn thứ ba: ngăn cuối cùng của hồ tách dầu, nước thải tại ngăn này đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe và tự chảy vào hồ chứa theo đường ống nhựa Ø110.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở đến để đổ xăng, dầu và xe xitec đến nhập xăng, dầu. Một số công trình, biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở được thực hiện như sau:

- Khu vực phía trước trạm bơm được rải đá và tưới ướt sân đường để giảm bụi phát tán và làm mát khu vực phía trước trạm bơm, hạn chế bụi, khí thải phát sinh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh;
- Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh nền bãi, sân đường, bố trí khuôn viên cây xanh để tạo không khí trong lành trong khuôn viên của cơ sở;
- Đối với xe xitec vận chuyển xăng, dầu của nhà cung cấp: phải đáp ứng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia/tiêu chuẩn quốc gia về xitec vận chuyển và phải được kiểm định định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định để đảm bảo xe hoạt động trong tình trạng tốt, hạn chế phát sinh bụi và khí thải;
- Thường xuyên nhắc nhở khách hàng phải tắt phương tiện khi vào đổ xăng, dầu tại khu vực trụ bơm.

b. Hơi xăng dầu

Để hạn chế ảnh hưởng của hơi xăng dầu từ quá trình hoạt động, cơ sở thực hiện các biện pháp như sau:

- Đảm bảo quá trình lưu trữ, nhập – xuất xăng, dầu không làm rò rỉ xăng, dầu;
- Đảm bảo thiết kế, lắp đặt bồn chứa, đường ống công nghệ tại cơ sở luôn ở tình trạng kín;
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng bồn chứa, đường ống công nghệ, hệ thống van, tránh hiện tượng xăng dầu rò rỉ ra bên ngoài;
- Xây dựng nội quy cho cửa hàng xăng dầu, nội quy an toàn lao động khi đang vận hành nhập – xuất xăng, dầu; hạn chế nhập xăng, dầu trong khoảng thời gian từ 10 giờ - 15 giờ hàng ngày vì đây là thời điểm nhiệt độ tăng cao trong ngày, hơi xăng dầu dễ bay hơi;
- Trong quá trình nhập xăng, dầu, phải ngưng toàn bộ quá trình xuất bán xăng, dầu cho khách hàng.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt

- Nguồn phát sinh CTRSH: chủ yếu phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt hàng ngày, với thành phần bao gồm: vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa, vỏ trái cây, rau, củ, quả,... khối lượng phát sinh khoảng 1,6 kg/ngày, tương đương khoảng 48 kg/tháng.

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý: bố trí 02 thùng chứa, ở khu vực phía trước cơ sở (giáp với Quốc lộ 53 cũ) để thu gom CTRSH hàng ngày.

- Đơn vị thu gom và xử lý: HTX Xây dựng – Môi trường Trà Vinh thu gom và xử lý định kỳ 03 lần/tuần.

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Nguồn phát sinh: quá trình hoạt động của cơ sở sẽ làm phát sinh CTCNTT từ hoạt động văn phòng (giấy vụn) và từ quá trình sửa chữa, bảo trì trạm bơm,... với khối lượng phát sinh khoảng 2,0 kg/năm.

- Biện pháp lưu giữ và xử lý: đây là những loại CTR có thể tái chế, được nhân viên thu gom và để vào khu vực chứa, định kỳ bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Thành phần và khối lượng phát CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn hư hỏng	Rắn	16 01 06	2,0
2	Giẻ lau dính dầu	Rắn	18 02 01	5,0
3	Can nhựa chứa dầu hư hỏng	Rắn	18 01 03	3,0

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
4	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	2,0
Tổng cộng				12,0

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu tư Nam Phúc – Trà Vinh, 2023)

*** Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH:**

- Khu vực lưu giữ: Bố trí khu vực lưu giữ CTNH với diện tích khu vực chứa khoảng 0,8 m², nền bê tông, mái và vách tole;
- Dụng cụ lưu chứa CTNH: Bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn để phân loại (01 thùng nhựa, có dung tích chứa 20 lít chứa giẻ lau dính dầu; 01 thùng nhựa có dung tích 20 lít chứa bóng đèn huỳnh quang và 01 thùng nhựa có dung tích 20 lít chứa hộp mực in thải); can nhựa chứa dầu huỳnh quang được thu gom và đưa vào khu vực chứa CTNH;
- Biện pháp xử lý CTNH: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các dụng cụ chứa và đưa vào khu chứa, khi đủ số lượng chủ cơ sở sẽ liên hệ với đơn vị có chức năng đến để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động ra vào của các phương tiện giao thông và tiếng ồn từ hoạt động bơm xăng của trạm bơm điện. Tiếng ồn từ các hoạt động này có tính chất gián đoạn, không liên tục. Các biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn như sau:

- Xung quanh cơ sở có vách tường bao quanh cao 2,2 m nên hạn chế được ảnh hưởng của tiếng ồn đến nhà dân sinh sống xung quanh khu vực;
- Quy định phương tiện khách hàng đến liên hệ tắt máy xe trong thời gian chờ để hạn chế tiếng ồn phát sinh;
- Sắp xếp lịch nhập xăng, dầu hợp lý, tránh tình trạng tập trung nhiều phương tiện cùng lúc làm gia tăng tiếng ồn.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn dầu

Sự cố rò rỉ, tràn dầu phát sinh từ sự cố đổ, vỡ bồn chứa xăng dầu và sự cố vỡ ống nhập – xuất xăng dầu. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, tràn dầu được thực hiện như sau:

- Thiết kế các bồn chứa xăng, dầu phải tuân thủ theo đúng quy chuẩn về thiết kế cửa hàng xăng dầu;
- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu trình cơ quan có chức năng phê duyệt. Sau khi được phê duyệt, chủ cơ sở phải thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu đã được đề xuất theo phương án trong kế hoạch đã được phê duyệt;

- Trang bị các phương tiện, thiết bị phục vụ trong công tác ứng phó sự cố tràn dầu;
- Liên hệ với các cơ sở xăng, dầu, lực lượng PCCC tại địa phương để kịp thời ứng cứu khi xảy ra sự cố tràn dầu ngoài tầm kiểm soát;
- Thường xuyên diễn tập quy trình ứng phó sự cố tại cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Định kỳ cho nhân viên cửa hàng tham gia lớp tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng, dầu;
- Trang bị quần áo và phương tiện bảo hộ lao động cho nhân viên, tạo điều kiện cho nhân viên làm việc thoải mái, dễ chịu;
- Tuyên truyền, giáo dục ý thức công nhân viên tuân thủ nội quy, mang các trang thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc;
- Khám sức khỏe định kỳ cho công nhân, tham gia và đóng bảo hiểm đầy đủ cho công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Cửa hàng đã thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ tại cơ sở đúng theo quy định;
- Treo các tiêu lệnh cấm lửa, nội quy PCCC và tiêu lệnh chữa cháy ở khu vực dễ thấy;
- Bố trí các dụng cụ, thiết bị chữa cháy ở những nơi dễ thấy, dễ lấy sử dụng, không cản trở lối thoát hiểm, lối đi và các hoạt động khác; tránh mưa, nắng và sự phá hủy của môi trường; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị theo đúng quy định;
- Phải đảm bảo tuyệt đối thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về kỹ thuật trong vận hành, nhập - xuất xăng, dầu và các quy định về an toàn trong quá trình lưu trữ xăng, dầu;
- Tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước về an toàn PCCC, thực hiện theo đúng quy định của bản vẽ PCCC đã được phê duyệt;
- Đảm bảo tốt công tác thường trực sẵn sàng chữa cháy, tổ chức lực lượng PCCC cơ sở, trang bị đầy đủ phương tiện, thường xuyên bổ sung và thực tập phương án chữa cháy, kết hợp chặt chẽ với lực lượng PCCC tại địa phương xử lý kịp thời các tình huống khi có cháy xảy ra;
- Trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy, kiểm tra thường xuyên và luôn giữ cho các phương tiện này trong trạng thái sẵn sàng;

Bảng 3.2. Danh mục trang thiết bị, phương tiện chữa cháy tại cơ sở

Stt	Khu vực bố trí	Tên thiết bị, dụng cụ	ĐVT	Số lượng
1	Khu vực trụ bơm bơm xăng dầu	Bình chữa cháy bột, loại ≥ 04 kg	Bình	05
		Bảng cấm hút thuốc	Cái	01
		Bảng cấm lửa	Cái	01
		Bảng nội quy PCCC	Cái	01
		Tiêu lệnh cứu hỏa	Cái	01
		Thùng chứa cát và xẻng	Bộ	01
2	Khu vực bồn chứa xăng, dầu	Bình chữa cháy bột, loại ≥ 25 kg	Bình	02
		Chăn sợi	Cái	01
		Thùng chứa cát và xẻng	Bộ	01
3	Phòng giao dịch bán hàng	Bình chữa cháy bột, loại ≥ 04 kg	Bình	01
		Bình chữa cháy CO ₂ , loại 05 kg	Bình	01
		Chăn sợi	Cái	01

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu tư Nam Phúc – Trà Vinh, 2023)

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động làm mát sân nền.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: $0,36 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý thoát ra hồ chứa.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 29:2010/BTNMT, cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe
1	pH	-	5,5 - 9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	150
4	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocacbon)	mg/L	30

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Phúc – Trà Vinh, 2023)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí xả nước thải: hồ chứa, tọa độ tọa độ X(m)=1090948, Y(m)=598877 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°), tại ấp Hòa Hào, xã Phước Hào, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
 - + Phương thức xả thải: xả gián đoạn, nước thải sau xử lý được lưu chứa tại hồ chứa.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động ra vào của các phương tiện giao thông cơ sở.
- Giá trị giới hạn đối với thông số tiếng ồn được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép

Stt	Khu vực	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT Từ 6 giờ đến 21 giờ
1	Khu vực thông thường	dBA	70

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Phúc – Trà Vinh, 2023)

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thành phần môi trường quan trắc trong quá trình lập báo cáo

Khối lượng mẫu môi trường quan trắc trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở được trình bày theo bảng sau:

Bảng 5.1. Khối lượng mẫu quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo tại cơ sở

Stt	Tên mẫu	Đơn vị tính	Số lượng	Ký hiệu mẫu	Địa điểm lấy mẫu	Hệ tọa độ VN2000	
						X(m)	Y(m)
1	Mẫu môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở	Mẫu	01	KK1	Bên trong cửa hàng	1090953	598891
2	Mẫu môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	Mẫu	01	KK2	Bên ngoài cơ sở	1090959	598903

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu tư Nam Phúc – Trà Vinh, 2023)

5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở

Kết quả quan trắc môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở được trình bày qua bảng sau:

Bảng 5.2. Chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn bên trong cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT ⁶ (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc)
1	Tiếng ồn	dB(A)	57.2	85 ^(*)
2	Bụi toàn phần	mg/m ³	174	8,0 ^(**)
3	SO ₂	mg/m ³	62	5,0
4	NO ₂	mg/m ³	59	5,0
5	CO	mg/m ³	<10	20
6	THC (C _x H _y)	mg/m ³	KPH (MDL=0,005)	-

(Nguồn: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng, tháng 7/2023)

Ghi chú: - Giá trị giới hạn của thông số ^(*) theo QCVN 24:2016/BYT⁷;

- Giá trị giới hạn của thông số ^(**) theo QCVN 02:2019/BYT⁸;

- KPH: Không phát hiện;

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;

- Chỉ tiêu "-": có giá trị giới hạn không quy định theo QCVN 03:2019/BYT.

⁶ QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, giới hạn tiếp xúc ca làm việc.

⁷ QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn-Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, thời gian tiếp xúc 8 giờ.

⁸ QCVN 02:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

*** Nhận xét:**

Qua kết từ bảng trên cho thấy, các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT, QCVN 03:2019/BYT và QCVN 02:2019/BYT.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn được trình bày qua bảng sau:

Bảng 5.3. Chất lượng môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT ⁹ (Trung bình 1 giờ)
1	Tiếng ồn	dB(A)	63.5	70 ^(*)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	211	300
3	SO ₂	µg/m ³	73	350
4	NO ₂	µg/m ³	65	200
5	CO	µg/m ³	<10	30.000
6	THC (C _x H _y)	µg/m ³	KPH (MDL=0.005)	5.000 ^(**)

(Nguồn: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng, tháng 7/2023)

Ghi chú:

- Giá trị giới hạn của thông số ^(*) theo QCVN 26:2010/BTNMT¹⁰.
- Giá trị của thông số ^(**) theo QCVN 06:2009/BTNMT¹¹

*** Nhận xét:**

Qua kết từ bảng trên cho thấy, các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

⁹ QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

¹⁰ QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

¹¹ QCVN 06:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Hạng mục công trình vận hành thử nghiệm tại cơ sở là hồ gạn dầu, dự kiến thời gian xây dựng xong hạng mục công trình đến hết tháng 8/2023. Do đó, thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải nhiễm dầu tại cơ sở như sau:

Bảng 6.1. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải

Hạng mục công trình	Thời gian		Công suất dự kiến
	Bắt đầu	Kết thúc	
Công trình xử lý nước thải nhiễm dầu, công suất 0,36 m ³ /ngày.	Ngày 01/9/2023	Ngày 31/12/2023	0,36 m ³ /ngày.đêm

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu tư Nam Phú – Trà Vinh, 2023)

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải

Quan trắc mẫu nước thải trong giai đoạn ổn định. Mẫu được lấy là mẫu đơn, lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp, thời gian lấy mẫu dự kiến từ 01/9/2023 – 31/12/2023 (trong thời gian vận hành thử nghiệm).

- Vị trí lấy mẫu:
 - + Nước thải đầu vào: 01 mẫu (NT₁), tại ngăn dầu tiên của hồ tách dầu.
 - + Nước thải sau xử lý: 03 mẫu (NT₂), tại hồ chứa.
- Các thông số phân tích mẫu đầu vào và đầu ra công trình xử lý: pH, COD, TSS, Dầu mỡ khoáng.

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải

Stt	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Số lượng mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến
1	Ngăn dầu tiên của hồ tách dầu	NT ₁	01 mẫu/lần	01 lần	03 ngày liên tục trong khoảng thời gian vận hành thử nghiệm từ 01/9/2023 – 31/12/2023
2	Hồ chứa	NT ₂	01 mẫu/lần	03 lần	

(Nguồn: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu tư Nam Phú – Trà Vinh, 2023)

Tổ chức có đủ điều kiện quan trắc môi trường theo quy định dự kiến phối hợp thực hiện là Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng (VIMCERTS 064) để tiến hành lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường.

- Tên đơn vị: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng.

- Địa chỉ: số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028 3640 2353.

- Chứng nhận Vimecerts: Quyết định số 1061/QĐ-BTNMT ngày 28/5/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, số hiệu chứng nhận VIMCERTS 064.

Quá trình thực hiện lấy mẫu, phân tích mẫu thì đơn vị có chức năng quan trắc sẽ phối hợp với một số nhà thầu phụ để đảm bảo đầy đủ chức năng quan trắc môi trường theo quy định.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ, tự động, liên tục

Cơ sở có mức lưu lượng xả nước thải khoảng 0,36 m³/ngày và cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Căn cứ theo Điều 111 của Luật BVMT, Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Công văn số 1118/STNMT-QLMT ngày 17/4/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh về việc phổ biến Công văn số 964/KSONMT-CN&NH của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục → Cơ sở thuộc đối tượng không phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ, tự động, liên tục.

6.2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

a. Quan trắc nước thải sau xử lý:

- Vị trí: 01 mẫu, tại hố chứa (NT);
- Tần suất giám sát: 01 năm/lần;
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, Dầu mỡ khoáng;
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 29:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu, cột B, cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.

b. Quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn:

- Vị trí: 01 điểm, tại khu vực ra vào cơ sở, điểm giáp với đường giao thông (KK);
- Tần suất giám sát: 01 năm/lần;
- Thông số giám sát: tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO, THC.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh;
 - + QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

c. Quan trắc CTRSH, CTCNTT và CTNH:

- Theo dõi về thành phần, khối lượng phát sinh của CTRSH, CTCNTT và CTNH tại các khu vực chứa của từng loại;
- Tổng hợp kết quả và báo cáo quan trắc môi trường định kỳ 01 năm/lần.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chương trình quan trắc môi trường hằng năm sẽ do công ty thực hiện và chi trả chi phí. Dự toán chi phí khoảng 15.000.000 đồng (chi phí này chưa gồm các chi phí khác có liên quan trong hoạt động quan trắc định kỳ).

Chương VII

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong năm 2022 và 2023, cơ sở chưa tiếp đón đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu Tư Nam Phúc – Trà Vinh cam kết:

- Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở;
- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường như đã nêu trong báo cáo này đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;
- Cam kết khi xảy ra sự cố môi trường, phải dừng các hoạt động, khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình hoạt động của cơ sở;
- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam.

PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0303678436-011

Đăng ký lần đầu, ngày 14 tháng 11 năm 2019

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC - TRÀ VINH

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt: **CHI NHÁNH CÔNG TY CPĐT NAM PHÚC - TRÀ VINH**

2. Địa chỉ:

Ấp Lò Ô, Xã Hiệp Mỹ Tây, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0778 886 886

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: **BÙI TUẤN ANH**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *30/07/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *024915702*

Ngày cấp: *23/06/2008*

Nơi cấp: *Công an Tp. HCM*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *339/15 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *339/15 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC**

Mã số doanh nghiệp: 0303678436

Địa chỉ trụ sở chính: *1073/89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Hoàng Đệ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 19 tháng 11 năm 2019

1. Tên địa điểm kinh doanh:

CỬA HÀNG XĂNG DẦU NAM PHÚC - CHÂU THÀNH

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Ấp Hòa Hào, Xã Phước Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0778886886

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: **BÙI TUẤN ANH**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: **30/07/1993**

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: **024915702**

Ngày cấp: **23/06/2008**

Nơi cấp: *Công an Tp. HCM*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *339/15 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *339/15 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp/chi nhánh

Tên chi nhánh: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC - TRÀ VINH**

Mã số chi nhánh: **0303678436-011**

Địa chỉ chi nhánh: *Ấp Lô Ô, Xã Hiệp Mỹ Tây, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam*



Nguyễn Hoàng Đế



1875

1875

1875

PHIẾU THU

Mẫu số: C40-BB

(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/2017/QĐ-BTC ngày 14/08/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị:

ME QHNS:



Ngày 1 tháng 5 năm 2022

Số: 8

Quyển số:

Trang:

Có:

Họ và tên người nộp tiền:

Địa chỉ:

Nội dung:

Số tiền:

(Loại tiền):

(Viết bằng chữ):

Kèm theo:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền: - bằng số:

- Bằng chữ:

NGƯỜI NỘP

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

THỦ QUỸ

(Ký, họ tên)

+ Tỷ giá ngoại tệ:

+ Số tiền quy đổi:

PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



ceeco

Phòng thí nghiệm
Trung tâm Môi trường CEECO

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

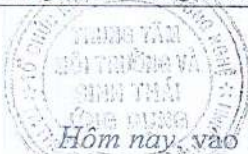
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY

PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM

Tel: (028) 37283519, 3283776 Fax: (028) 36402354



VIMCERTS064



BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Hôm nay, vào lúc: ngày 5/7/2022, tại: Cầu Hàng Xưởng Cầu Nam Phú - Châu Thành

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát:

Đơn vị yêu cầu:

Địa chỉ:

I. CHÚNG TÔI GỒM:

1. Đại diện bên lấy mẫu: Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

Ông (Bà): Nguyễn Xuân Tiến chức vụ: Nhân viên

Ông (Bà): chức vụ:

2. Đại diện bên được lấy mẫu:

Ông (Bà): chức vụ:

3. Đại diện bên giám sát:

Ông (Bà): chức vụ:

Ông (Bà): chức vụ:

Ông (Bà): chức vụ:

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Đơn vị được lấy mẫu: Cầu Hàng Xưởng Cầu Nam Phú - Châu Thành

2. Địa chỉ: Ấp Hoà Hoà, Xã Phước Hải, H. Châu Thành, T. Trà Vinh

3. Tọa độ: 9°51'50" N, 106°24'12" E

4. Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, bình thường


5. Khối lượng công việc thực hiện:

5.1 Không khí - Số lượng: 02

Phương pháp thu mẫu:

<input type="checkbox"/> VKH: QCVN 46:2012/BTNMT	<input type="checkbox"/> Độ rung: TCVN 6963:2001	<input type="checkbox"/> CO: HD-TMBQK 01	<input type="checkbox"/> Bụi: TCVN 5067:1995
<input type="checkbox"/> Tốc độ gió: SOP - HD-P50	<input type="checkbox"/> SO ₂ : TCVN 5971:1995	<input type="checkbox"/> H ₂ S: MASA Method 701	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tiếng ồn: TCVN 7878-2:2010	<input type="checkbox"/> NO ₂ : TCVN 6137:2009	<input type="checkbox"/> NH ₃ : TCVN 5293:1995	<input type="checkbox"/>

STT	Ký hiệu	Thời gian	Vị trí lấy	Chỉ tiêu
1	KK1	12 ^h 15	Bên trong cầu hàng	CO, TSP, SO ₂ , NO ₂ CO, THC
2	KK2	12 ^h 30	Bên ngoài cầu hàng	

 ceeco Phòng thí nghiệm Trung tâm Môi trường CEECO	TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG	 VIMCERTS064
	CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY	
	PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, Tp. Thủ Đức, Tp.HCM	
	Tel: (028) 37283519, 3283776 Fax: (028) 36402354	

5.2 Nước - Số lượng:

<input type="checkbox"/> Mẫu nước mặt	TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-1: 2011	<input type="checkbox"/> Mẫu nước biển	TCVN 5998:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-1:2011
<input type="checkbox"/> Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016	<input type="checkbox"/> Mẫu nước mưa	TCVN 5997:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-14:2018
<input type="checkbox"/> Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016	<input type="checkbox"/> Mẫu nước ăn uống	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-5:2009
<input type="checkbox"/> Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011	<input type="checkbox"/> Mẫu động vật nổi	SMEWW 10200.B:2017
<input type="checkbox"/> Mẫu thực vật nổi	SMEWW 10200.B:2017	<input type="checkbox"/> Động vật đáy	SMEWW 10500.B:2017

STT	Ký hiệu	Thời gian	Vị trí lấy	Chỉ tiêu

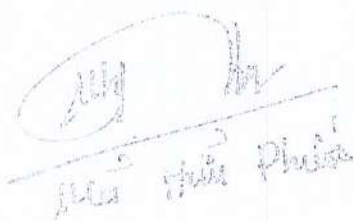
➤ **Ghi chú:**

Mẫu sẽ được niêm phong theo quy định và được ký xác nhận bởi các bên.
 Biên bản này được lập thành .01. bản, lúc giờ phút, ngày 05 tháng 7 năm 2022

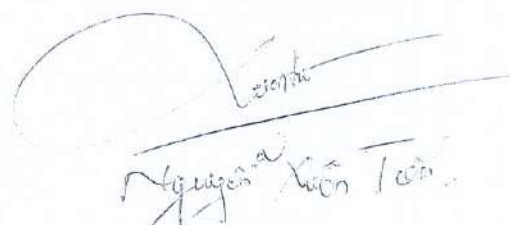
ĐƠN VỊ ĐƯỢC LẤY MẪU
(ký và ghi rõ họ tên)


 Nguyễn Trung Hiếu

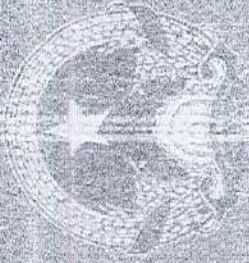
ĐƠN VỊ GIÁM SÁT
(ký và ghi rõ họ tên)


 Nguyễn Văn Phú

ĐƠN VỊ LẤY MẪU
(ký và ghi rõ họ tên)


 Nguyễn Xuân Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐU ĐIỆU KINH HOẠT ĐỘNG

DỊCH VỤ QUẢN LÝ CÔI TRƯỜNG

Số hiệu: MCH/TK/S/064

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

1. Mọi chức năng của Giấy chứng nhận du lịch kinh hoạt động chỉ có giá trị pháp lý trong phạm vi địa bàn quản lý của cơ quan chức năng cấp Giấy chứng nhận.

2. Mọi chi phí Giấy chứng nhận du lịch kinh hoạt động phải được thanh toán đầy đủ trước khi cấp Giấy chứng nhận.

3. Mọi chi phí cấp Giấy chứng nhận du lịch kinh hoạt động phải được thanh toán đầy đủ trước khi cấp Giấy chứng nhận.

4. Mọi hoạt động kinh doanh phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về quản lý kinh doanh.

5. Mọi chi phí cấp Giấy chứng nhận du lịch kinh hoạt động phải được thanh toán đầy đủ trước khi cấp Giấy chứng nhận.

6. Mọi chi phí cấp Giấy chứng nhận du lịch kinh hoạt động phải được thanh toán đầy đủ trước khi cấp Giấy chứng nhận.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

DỊCH VỤ QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 064

(Cấp lần 4)

Tên tổ chức:

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

Trụ sở chính: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: *1061/QĐ-BTNMT* ngày *28* tháng *5* năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Hoàng Văn Tùng. Chức vụ: Giám đốc

Căn cước công dân số: 060073000063

Nơi cấp: Cục Cảnh sát DKQL cư trú và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 15 tháng 5 năm 2017

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày *27* tháng *5* năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRÁC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:
- Nước mặt và lợ địa: Lấy mẫu: 04 thông số
 - Nước mặt: 01 thông số
 - Nước dưới đất: Lấy mẫu: 01 thông số
 - Nước ngầm: Lấy mẫu: 01 thông số
 - Nước biển: Lấy mẫu: 01 thông số
2. Khí:
- Không khí xung quanh: Lấy mẫu: 26 thông số
 - Khí thải: Lấy mẫu: 01 thông số
3. Đất:
- Lấy mẫu: 01 thông số
4. Trầm tích:
- Lấy mẫu: 01 thông số
5. Bùn:
- Lấy mẫu: 01 thông số
6. Chất thải rắn:
- Lấy mẫu: 01 thông số

Do tại hiện trường: 06 thông số

Do tại hiện trường: 03 thông số

Do tại hiện trường: 06 thông số

Do tại hiện trường: 04 thông số

Do tại hiện trường: 07 thông số

Do tại hiện trường: 06 thông số

Do tại hiện trường: 06 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:
- Nước mặt và lợ địa: 28 thông số
 - Nước thải: 28 thông số
 - Nước dưới đất: 26 thông số
 - Nước ngầm: 09 thông số
 - Nước biển: 04 thông số
2. Khí:
- Không khí xung quanh: 07 thông số
3. Đất:
- Lấy mẫu: 01 thông số
4. Trầm tích:
- Lấy mẫu: 05 thông số
5. Bùn:
- Lấy mẫu: 05 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: *1061/QĐ-BTNMT* ngày *28* tháng *5* năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày *28* tháng *5* năm 2021

KH. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Số: 1061 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “**Trung Tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng**”, địa chỉ tại số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **064/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 064**) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực ba năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

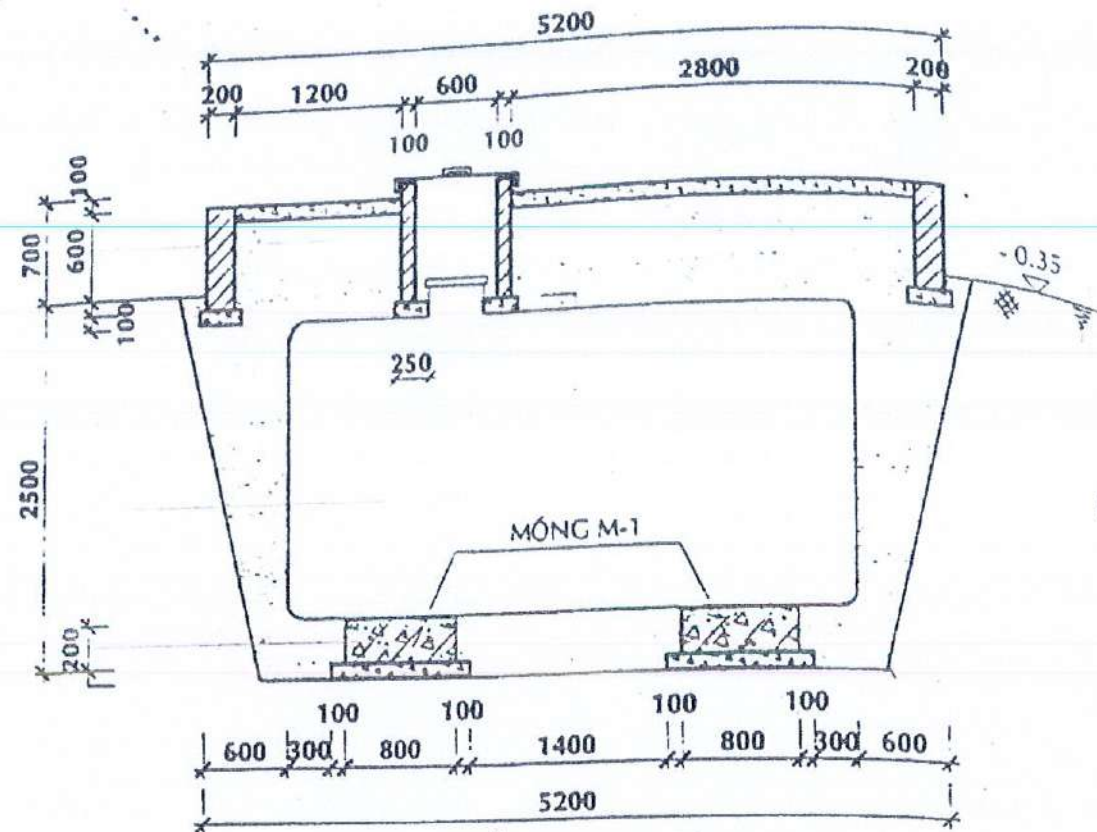
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QL/L(12).

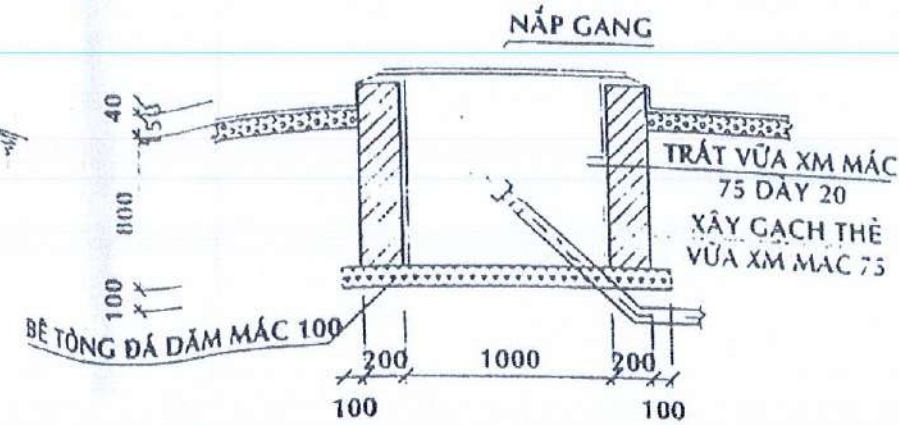


Võ Tuấn Nhân

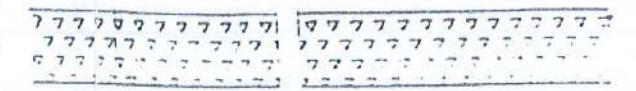
PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO



MẶT CẮT B - B TL1/50

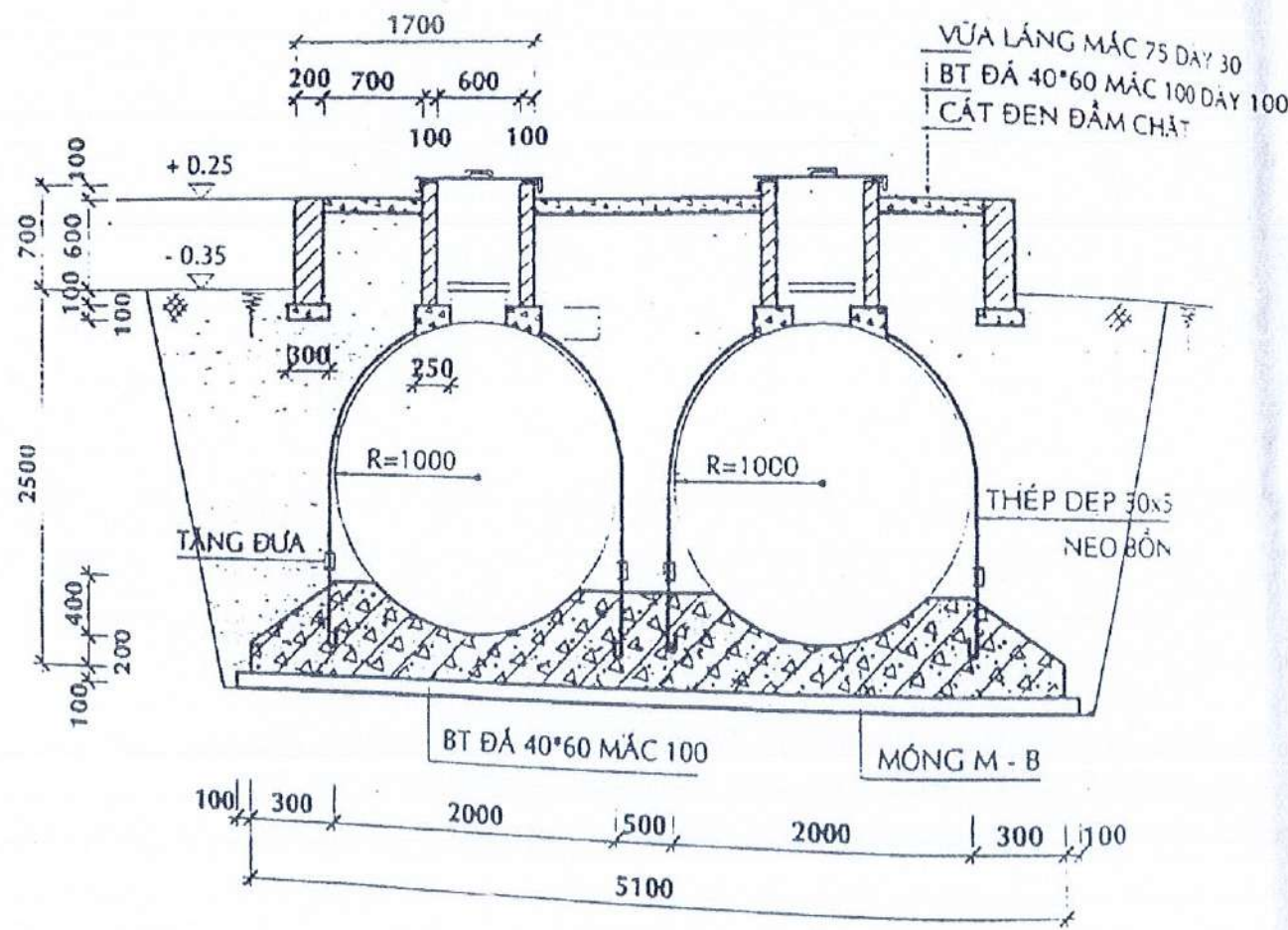


HỌNG NHẬP

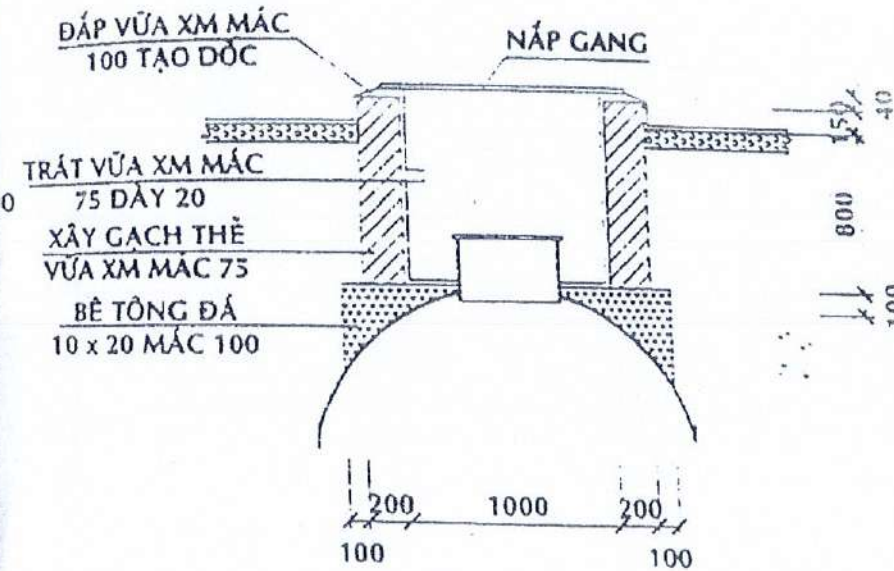


LĂNG VỮA XM MẮC 75 DÂY 20
BÊ TÔNG ĐÁ 10 x 20 MẮC 100 DÀY 100
CÁT HẠT TRUNG ĐẪM CHẶT

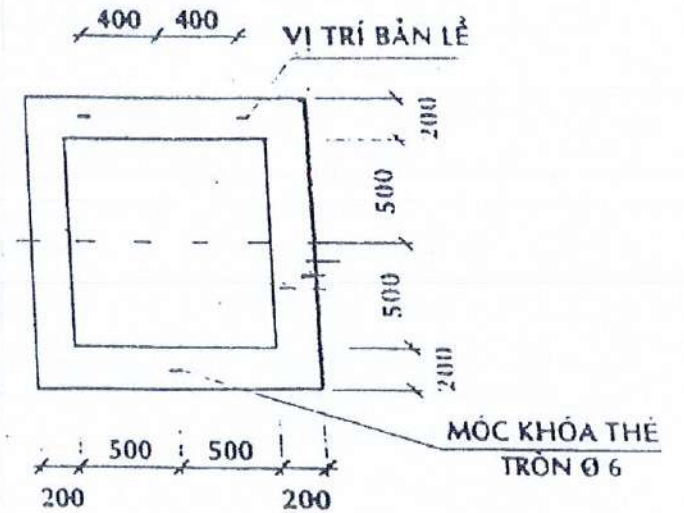
CẤU TẠO NỀN KHU BỂ



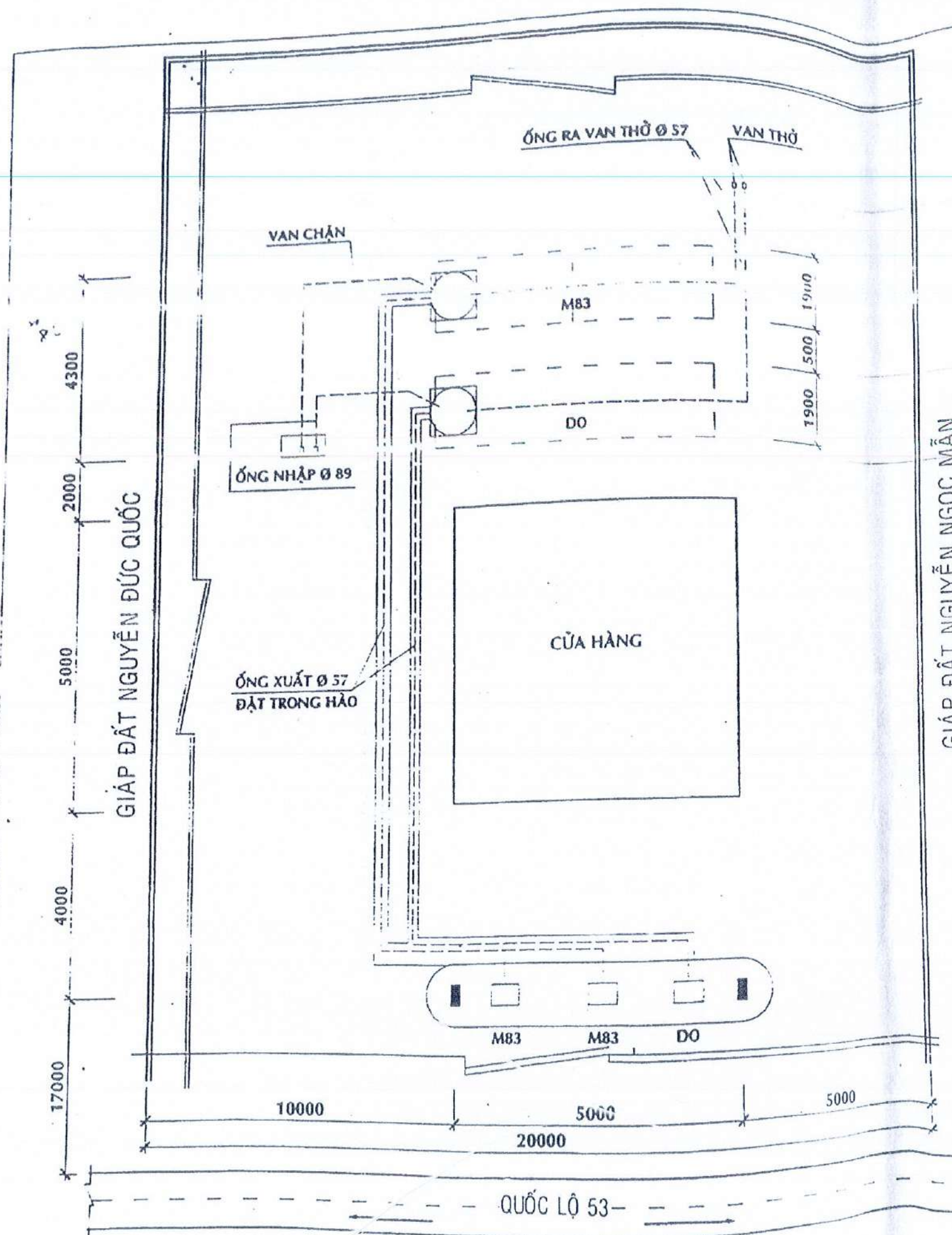
MẶT CẮT BÊN CHỨA CHI TIẾT KHU BỂ
TỶ LỆ: 1:150



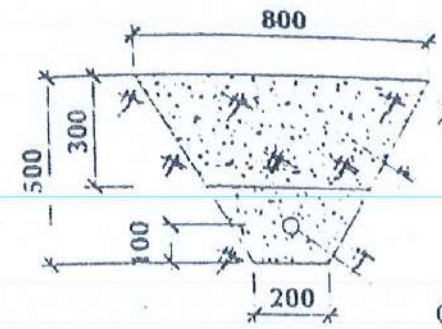
CẮT C - C



HỔ VAN ĐẦU BỂ



MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ
TỶ LỆ: 1:100



RÀNH 1 ỐNG CÁP



RÀNH 2 ỐNG CÁP



GHI - CHÚ

- KHOẢNG CÁCH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỌC >50M
- CÔNG TRÌNH KHÔNG NẪM DƯỚI ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN CAO, TRUNG, HẠ THỂ
- CÔNG TRÌNH KHÔNG NẪM TRÊN DƯỚI LƯỚI ĐIỆN THÔNG TIN

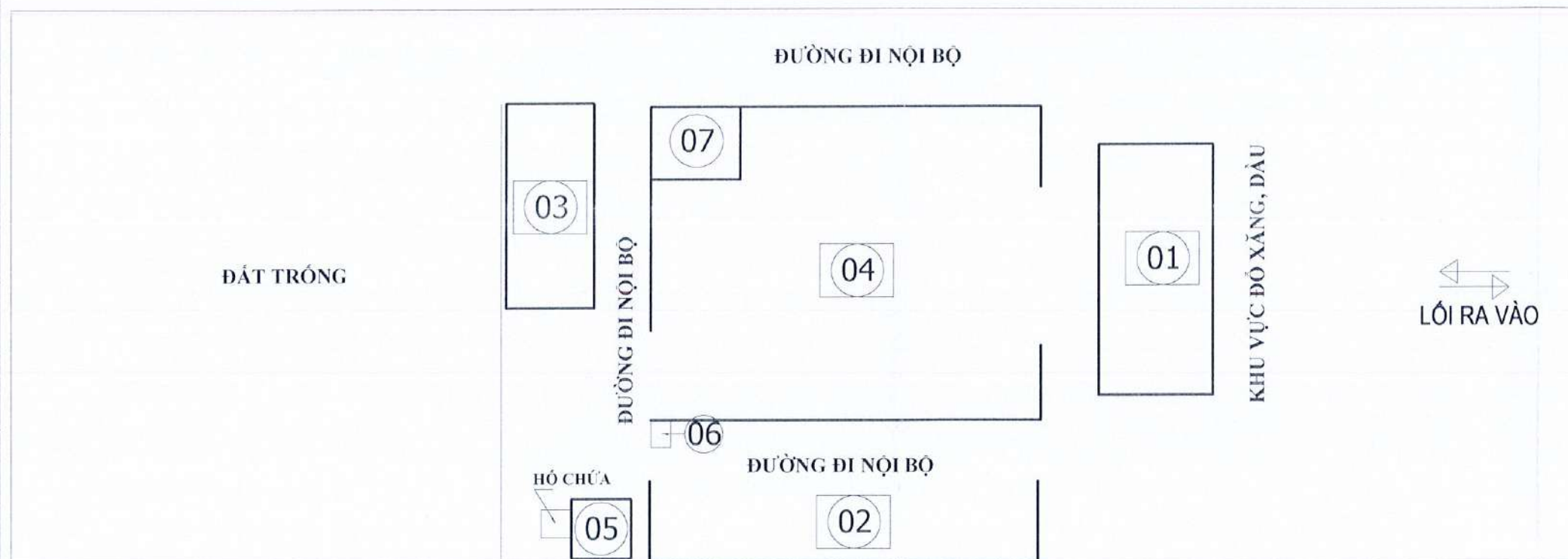
- 1 - CHỨC NĂNG CÔNG NGHỆ: NHẬP KÍN QUA HỌNG NHẬP KÍN, XUẤT QUA CỘT BƠM CHO CÁC LOẠI PHƯƠNG TIỆN ĐƯỜNG BỘ.
TỔNG SỨC CHỨA CỦA CỬA HÀNG LÀ 30M³, GỒM 3 BỂ, MỖI BỂ 10M³, CHỨA M83. DO.
- 2 - CÔNG NGHỆ: ỐNG CÔNG NGHỆ CHÔN NGẦM VÀ ĐƯỢC ĐẶT TRONG HẦM, ỐNG ĐƯỢC BỌC CHỐNG GỈ NHƯ SAU: 1 LỚP NHỰA ĐƯỜNG SỐ 4 PHA XĂNG, 1 LỚP NHỰA ĐƯỜNG SỐ 4 TRÒN BỘT CAO SU, 1 LỚP VẢI THÙY TINH, CHIỀU DÀY TỔNG CỘNG 3MM. PHẦN ỐNG VÀ THIẾT BỊ ĐI NỔI SƠN 2 LỚP SƠN CHỐNG GỈ VÀ 2 LỚP SƠN MÀU. ỐNG XUẤT VÀ NHẬP ĐỐC VỀ PHÍA BỂ VỚI ĐỘ ĐỐC $i=0.5\%$.
- 3 - ỐNG CÔNG NGHỆ VÀ CÁC CHI TIẾT HÀN DÙNG QUE HÀN E42 HOẶC LOẠI CÓ CƯỜNG ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG.
- 4 - SAU KHI LẮP ĐẶT XONG TOÀN BỘ HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ, TIẾN HÀNH THỬ AP LỰC $P=1.25$ KG TRÊN CM², SAU ĐÓ THỐI RỬA ĐƯỜNG ỐNG CHO SẠCH.

GIÁP ĐẤT NGUYỄN NGỌC MÃN

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC
01	KHU VỰC TRẠM BƠM XĂNG DẦU
02	KHU VỰC BỒN CHỨA XĂNG
03	KHU VỰC BỒN CHỨA DẦU
04	KHU VỰC NHÀ GIAO DỊCH VÀ PHÒNG NGHỈ CHO NHÂN VIÊN
05	KHU VỰC HỒ GẠM DẦU VÀ HỒ CHỨA NƯỚC THẢI
06	KHU VỰC CHỨA CTNH
07	NHÀ VỆ SINH (HÀM TỰ HOẠI)

KÊNH THỦY LỢI



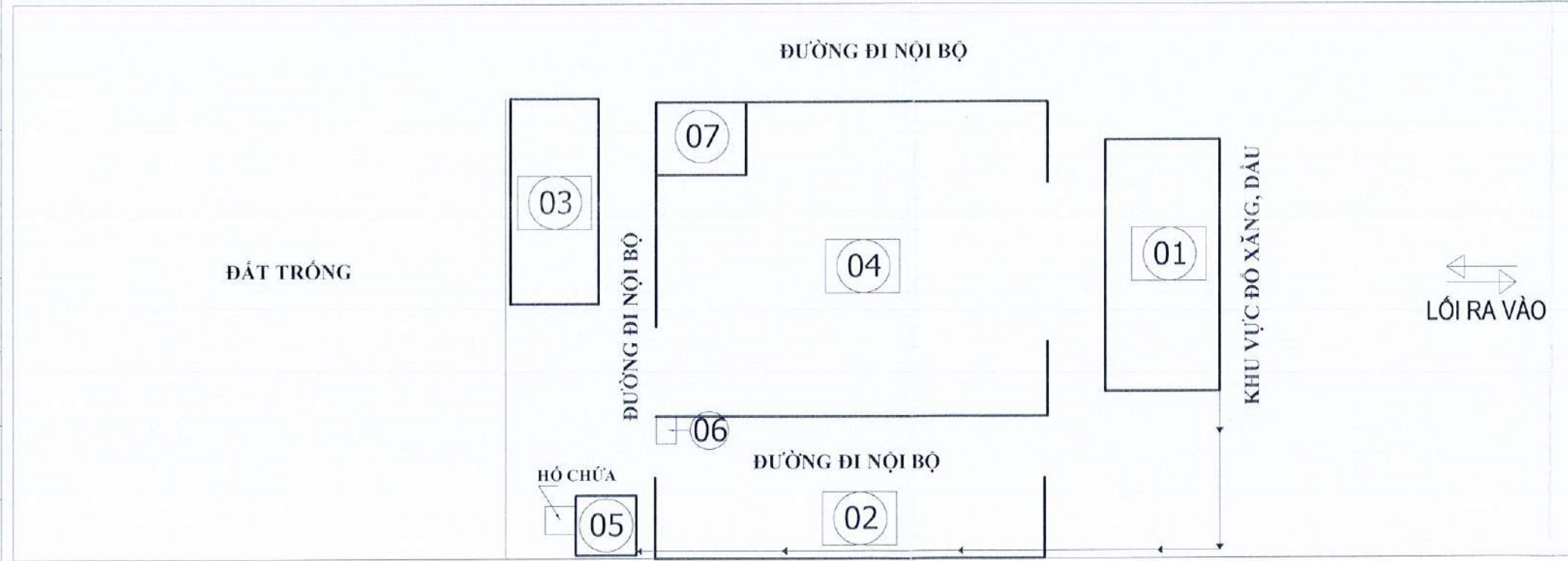
QUỐC LỘ 53 (CŨ)

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC - TRÀ VINH		CƠ SỞ		
		CỬA HÀNG XĂNG DẦU NAM PHÚC - CHÂU THÀNH		
GIÁM ĐỐC 		SƠ ĐỒ BỐ TRÍ MẶT BẰNG TỔNG THỂ		
		THIẾT KẾ	THẺ HIỆN	KÝ HIỆU
GIÁM ĐỐC <i>Bùi Tuấn Anh</i>				

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC
01	KHU VỰC TRẠM BƠM XĂNG DẦU
02	KHU VỰC BỒN CHỨA XĂNG
03	KHU VỰC BỒN CHỨA DẦU
04	KHU VỰC NHÀ GIAO DỊCH VÀ PHÒNG NGHỈ CHO NHÂN VIÊN
05	KHU VỰC HỒ GẠM DẦU VÀ HỒ CHỨA NƯỚC THẢI
06	KHU VỰC CHỨA CTNH
07	NHÀ VỆ SINH (HẦM TỰ HOẠI)

KÊNH THỦY LỢI



QUỐC LỘ 53 (CŨ)

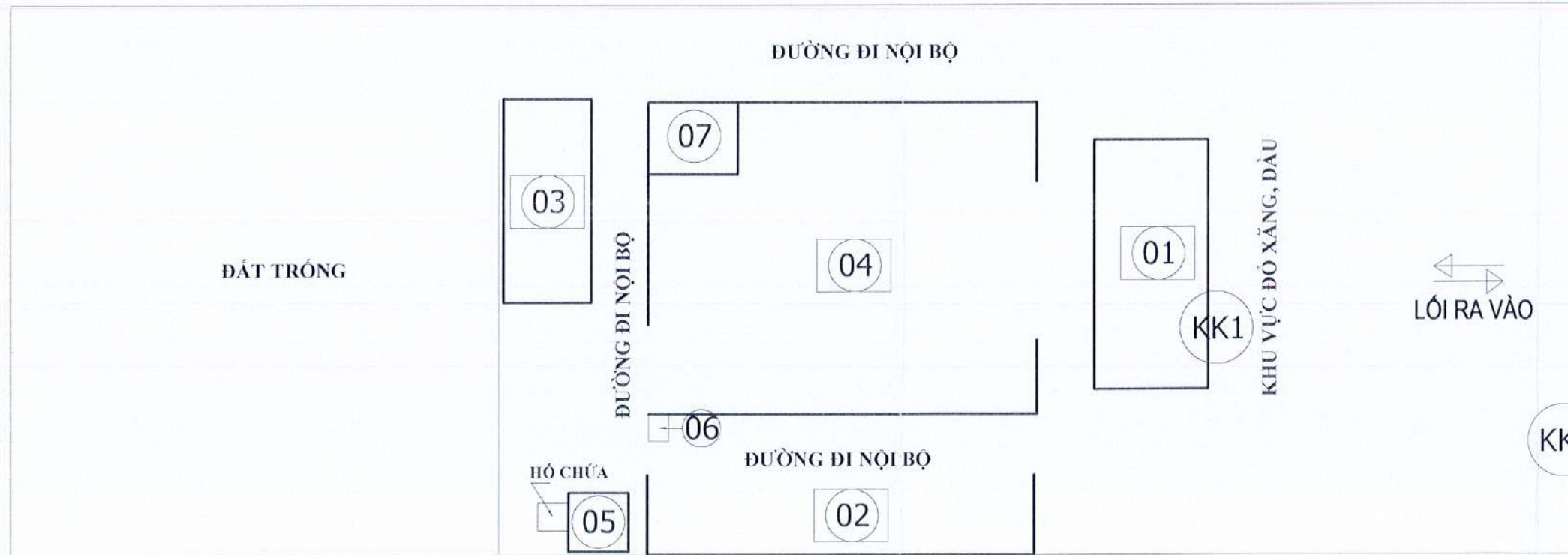
Ghi chú:
 → Hướng đi của nước thải

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC - TRÀ VINH		CƠ SỞ		
		CỬA HÀNG XĂNG DẦU NAM PHÚC - CHÂU THÀNH		
SƠ ĐỒ THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI				
THIẾT KẾ	THỂ HIỆN	KÝ HIỆU		

GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Anh

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC
01	KHU VỰC TRẠM BƠM XĂNG DẦU
02	KHU VỰC BỒN CHỨA XĂNG
03	KHU VỰC BỒN CHỨA DẦU
04	KHU VỰC NHÀ GIAO DỊCH VÀ PHÒNG NGHỈ CHO NHÂN VIÊN
05	KHU VỰC HỒ GẠM DẦU VÀ HỒ CHỨA NƯỚC THẢI
06	KHU VỰC CHỨA CTNH
07	NHÀ VỆ SINH (HẦM TỰ HOẠI)

KÊNH THỦY LỢI



QUỐC LỘ 53 (CŨ)

Ghi chú:

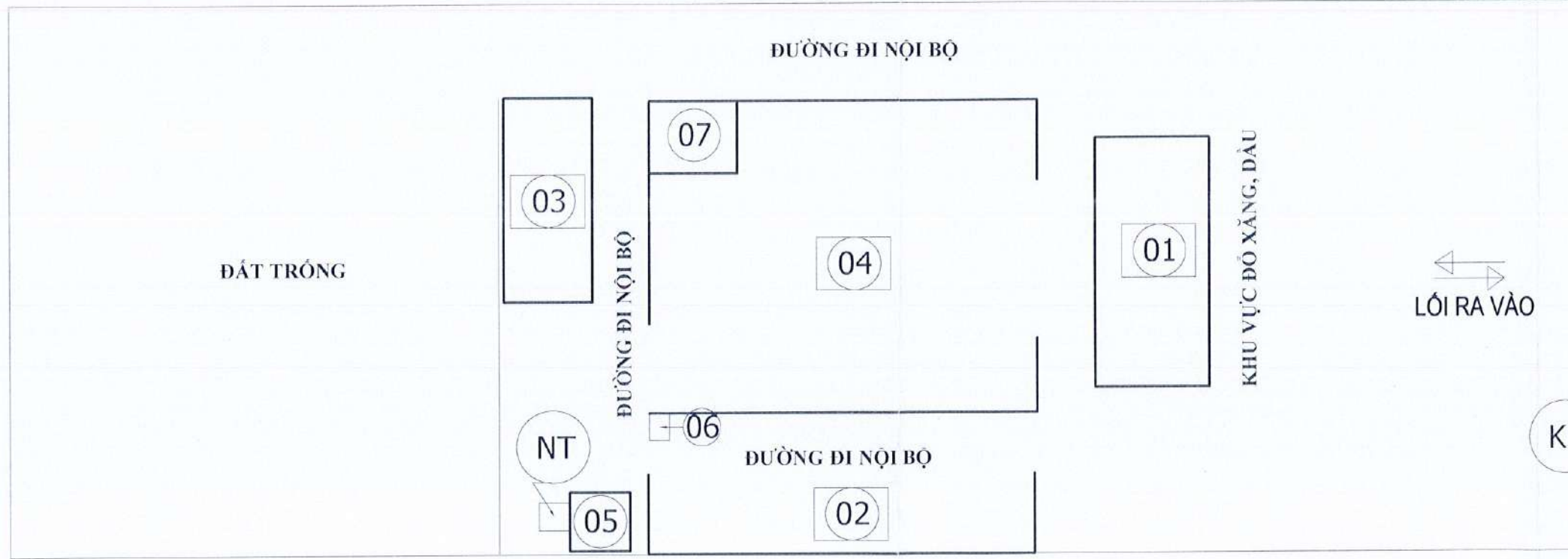
- KK1: Vị trí thu mẫu không khí bên trong và tiếng ồn.
- KK2: Vị trí thu mẫu không khí xung quanh và tiếng ồn.

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TƯ NAM PHÚC - TRÀ VINH	CƠ SỞ CỬA HÀNG XĂNG DẦU NAM PHÚC - CHÂU THÀNH		
	SƠ ĐỒ THU MẪU TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO		
GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	THẺ HIỆN	KÝ HIỆU
			MI 03

GIÁM ĐỐC
(Handwritten signature)

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	
KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC
01	KHU VỰC TRẠM BƠM XĂNG DẦU
02	KHU VỰC BỒN CHỨA XĂNG
03	KHU VỰC BỒN CHỨA DẦU
04	KHU VỰC NHÀ GIAO DỊCH VÀ PHÒNG NGHỈ CHO NHÂN VIÊN
05	KHU VỰC HỒ GẠM DẦU VÀ HỒ CHỨA NƯỚC THẢI
06	KHU VỰC CHỨA CTNH
07	NHÀ VỆ SINH (HẦM TỰ HOẠI)

KÊNH THỦY LỢI



QUỐC LỘ 53 (CŨ)

Ghi chú:
 - NT: Vị trí thu mẫu nước thải sau xử lý.
 - KK: Vị trí thu mẫu không khí xung quanh và tiếng ồn.

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NAM PHÚC - TRÀ VINH	CƠ SỞ CỬA HÀNG XĂNG DẦU NAM PHÚC - CHÂU THÀNH		
	SƠ ĐỒ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ		
GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	THẺ HIỆN	KÝ HIỆU
 GIÁM ĐỐC <i>Bùi Tuấn Anh</i>			